

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2019/DS-PT
Ngày 29 - 10 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Túy Giang

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Nguyễn Lệ Kiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2019/TLPT-DS ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 88/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1938

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1939

Cùng địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị H: Anh Dương Chí N – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1943; địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh H: Chị Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp Mỹ T, xã Vĩnh Phú Đ, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1974
2. Chị Trang Thanh T, sinh năm 1976
3. Cháu Huỳnh Tấn P, sinh ngày 15/9/2002
4. Cháu Huỳnh Bảo N, sinh ngày 18/12/2008

Cùng địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Huỳnh Tấn P và cháu Huỳnh Bảo N: Anh Huỳnh Văn H và chị Trang Thanh T; địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Huỳnh Văn H và chị Trang Thanh T: Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1938; địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

5. Bà Thái Thị P, sinh năm 1945
6. Anh Nguyễn Việt T, sinh năm 1980
7. Anh Nguyễn Thành H, sinh năm 1976
8. Chị Phan Thị Bé H, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Thái Thị P, anh Nguyễn Việt T, anh Nguyễn Thành H, chị Phan Thị Bé H: Chị Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp Mỹ T, xã Vĩnh Phú Đ, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

9. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi Nhánh huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ: Ấp Hành C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

10. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: Ấp Hành C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị H thống nhất trình bày: Phần đất ông bà đang ở có nguồn gốc là của ông Hàn Văn L, ông bà nhận chuyển nhượng vào năm 1974, khi chuyển nhượng chỉ nói miệng là chuyển nhượng hết phần đất và nhà chứ các bên không có đo đạc thực tế. Lúc đó, nhà của ông L nằm chính giữa, hai căn nhà 02 bên của bà Tư X (nhà kỹ sư Q hiện nay) và vợ chồng ông Trần Hoài V (có 02 vách hai bên xây gạch); nhà ông L không có vách, sử dụng nhờ 02 vách nhà 02 bên; phần giáp với nhà bà Tư X và ông Vân thì có cặm cột cây, nhà cao 04m.

Ông bà sử dụng đến tháng 4/1979 thì có lệnh đuổi nhà dời đi nơi khác, trong đó có nhà của ông và bà B. Đến năm 1981, ông bà cất lại bằng cây gỗ địa phương và đến năm 1982, ông bà sửa lại kết cấu bê tông cốt thép. Vào năm 1984, bà B bán căn nhà cho ông H; sau đó, ông bà đồng ý cho ông H xây gạch chồng lên trên phần bức tường phía trên. Ông H đã nối cột trên phần cột ông Đ, bà H làm trước đây rồi xây tường lên cao khoảng 0,7 – 0,8m. Ngày 02/3/2005, ông H tự ý tháo dỡ nhà, cho thợ xây chồng lên tiếp tục, ông bà không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp từ đây. Đến năm 2008, ông Hùng tiếp tục xây thêm phần tường trên phần tường tiếp giáp giữa 02 căn nhà; xây mới phần tường nằm phía trước hàng ba gần vỉa hè có chiều dài là 1,97m. Sau khi ông H xây dựng 02 phần này xong, thì từ đó đến nay, phần bức tường giữa hai bên giữ nguyên hiện trạng. Phần tường này thì bên ông Đ và bên ông H cùng sử dụng chung.

Tại đơn khởi kiện ngày 30/10/2015, ông Đ, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H trả phần đất có chiều ngang 0,15m, chiều dài 16m và bức tường xây dựng hết phần đất nhưng đến ngày 28/6/2018 ông Đ, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận phần đất có chiều ngang 0,10m, chiều dài 13,26m là của ông Đ, bà H; phần bức tường ông Đ, bà H đã xây cao 03m, dài 11,29m (tổng chiều dài bức tường 13,26m thì ông Đ, bà H xây 11,29m; ông H xây chiều dài 1,97m) là của ông Đ, bà H; yêu cầu ông H tháo dỡ phần tường ông H xây dựng dài 11,29m, cao 2,66m (được xây tiếp từ đoạn chiều cao 03m mà ông Đ, bà H xây trước đây) và phần tường ông H xây dài 1,97m, cao 5,66m. Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H đối với diện tích đất tranh chấp.

Ngoài ra, ông Đ, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H và người đại diện theo ủy quyền của ông H trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp do ông H nhận chuyển nhượng nhà và đất của ông V và bà B vào ngày 14/10/1984. Đối với bức tường tranh chấp là do ông H xây dựng trên nền bức tường có sẵn khi mua nhà nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Ông H đồng ý cho ông Đ, bà H sử dụng nhờ bức tường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị P, anh Nguyễn Việt T, anh Nguyễn Thành H, chị Phan Thị Bé H trình bày: Đồng ý với lời trình bày của ông H và không có ý kiến bổ sung thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn H, chị Trang Thanh T thống nhất trình bày: Ông Đ và bà H cho anh chị ở trên phần nhà có bức tường đang tranh chấp, việc cho ở chỉ nói miệng, chưa có cho luôn. Anh chị ở phần nhà phía trước còn cha mẹ anh ở phần căn nhà phía sau. Anh chị thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn và không bổ sung gì thêm.

Đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trình bày: Ông H có thể chấp quyền sử dụng đất vay vốn tại Ngân hàng với số tiền gốc 1.000.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng còn trong thời hạn cam kết, diện tích đất

tranh chấp ít nên không ảnh hưởng đến tài sản thế chấp; do đó Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H trả nợ trong vụ án này.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện P trình bày: Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Công văn số 464/UBND ngày 24/4/2018 phúc đáp về lý do của sự chênh lệch kích thước cạnh ngang giáp lộ như sau: “...Kích thước cạnh ngang 4,15m là cấp theo số liệu bản đồ 299 cũ (cấp lần đầu), kích thước cạnh ngang giáp lộ 4,0m tại thửa số 20, tờ bản đồ 89, đây là kết quả đo đạc thành lập bản đồ chính quy (dự án 323) do Xí nghiệp Trắc địa bản đồ 305 thực hiện, được UBND thị trấn P xác nhận và Sở Tài nguyên – Môi trường kiểm tra, nghiệm thu. Khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh H thì thực hiện theo số liệu đo đạc này. Do đó, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi cấp đổi cho ông H theo bản đồ chính quy có kích thước cạnh ngang giáp lộ là 4,0m”.

Tại công văn số 956/UBND ngày 09/8/2018 có nội dung: “Hiện nay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Thanh H vào năm 2007 đã được thu hồi do cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2009. Xét thấy vụ việc tranh chấp nêu trên là tranh chấp đất và tài sản gắn liền với đất (tranh chấp vách tường) đang được Tòa án nhân dân huyện giải quyết theo thẩm quyền. Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành để giải quyết vụ việc. Trên cơ sở bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, Ủy ban nhân dân huyện tiến hành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự”.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Nguyễn Thanh H giao trả phần đất có diện tích 1.30m² (trong đó diện tích 0,65m² thuộc một phần thửa đất số 20, tờ bản đồ số 89 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H và diện tích 0,65m² thuộc một phần thửa đất số 21, tờ bản đồ số 89 chưa được cấp giấy).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đ, bà H yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp và bức tường thuộc quyền sở hữu của ông Đ, bà H và không chấp nhận của ông Đ, bà H yêu cầu ông H tháo dỡ phần bức tường có chiều dài 1,97m, ngang 0,1m tính từ vỉa hè, tháo dỡ bức tường từ vị trí 03m trở lên.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đ, bà H yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H đối với diện tích 0,65m², thuộc thửa số 20, tờ bản đồ 89, đất tọa lạc ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019 ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị H kháng cáo: yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ, bà H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét đơn kháng cáo của ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị H nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị H yêu cầu công nhận phần đất có chiều ngang 0,10m, chiều dài 13,26m; phần bức tường ông Đ, bà H đã xây cao 03m, dài 11,29m (tổng chiều dài bức tường 13,26m thì ông Đ, bà H xây 11,29m; ông H xây chiều dài 1,97m) là của ông Đ, bà H; yêu cầu ông H tháo dỡ phần tường ông H xây dựng dài 11,29m, cao 2,66m (được xây tiếp từ đoạn chiều cao 03m mà ông Đ, bà H xây trước đây) và phần tường ông H xây dài 1,97m, cao 5,66m. Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H đối với diện tích đất tranh chấp. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4] Tại biên bản lấy lời khai (bút lục số 01, 10, 250 – 251) ông Hàn Văn L xác định: Phần nhà của ông Đ đang sử dụng trước đây là con hẻm công cộng, ông L chiếm ở vào trước năm 1974; khi đó, ông L làm nhà ở nhưng không có xây vách nhà mà gác nhờ đòn tay lên 02 vách tường của 02 căn nhà của bà 4 X và bà B để lợp nhà ở; ông L không xác định được chiều ngang phần nhà và đất là bao nhiêu chỉ độ khoảng hơn 03m. Đến năm 1974, ông L bán lại toàn bộ nhà và đất cho ông Đ, khi đó không có đo đạc.

[5] Tại biên bản lấy lời khai (bút lục số 02, 382-383) bà Trần Thị B xác định: Nguồn gốc căn nhà của ông Hùng trước đây là của vợ chồng bà cất nhà và ở ổn định từ trước những năm 1960. Đến ngày 14/10/1984, vợ chồng bà bán nhà và đất cho ông Nguyễn Thành C (là cha ruột ông H) để mua nhà cho ông H. Vợ chồng bà bán phần nhà và đất có chiều ngang là 4,15m, hiện tại phần chiều ngang ông H đang sử dụng là nằm trong diện tích bà sử dụng trước đây. Bức tường hiện tại đang tranh chấp có chiều cao 03m tính từ dưới nền đất trở lên là do vợ chồng bà xây dựng trước khi bán lại cho ông H.

[6] Nguyên đơn xác định cất nhà năm 1982, cất cùng ông V, bà B, bức tường giữa 02 nhà là của nguyên đơn nhưng ông L (người chuyển nhượng nhà cho nguyên đơn) và bà B (người chuyển nhượng nhà cho bị đơn) đều xác định

bức tường tranh chấp là của bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thừa nhận không có mâu thuẫn gì với ông L và bà B. Hơn nữa, nguyên đơn xác định vào năm 1986, bị đơn có hỏi mượn tường và xây nhờ bức tường cao lên trên nền bức tường của nguyên đơn cũ 03m nhưng bị đơn không thừa nhận có mượn tường xây nhờ mà bị đơn xác định tường cũ nhà bà B thì bị đơn xây lên cao hơn để sử dụng.

[7] Mặc khác, tại công văn số 03/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 26/3/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phước Long xác định: Do giấy cấp cho ông Đ không có số, không có số thửa, số tờ bản đồ nên không xác định được vị trí phần đất này. Ngày 03/4/1998, ông Đ làm đơn xin hợp thức hóa nhà đất, được xác nhận của Phòng CNGT&XD ngày 22/4/1998 có nội dung “Do yêu cầu của chủ hộ, Phòng CNGT&XD xác nhận chủ quyền về nhà ở để đương sự thế chấp vay vốn Ngân hàng sản xuất kinh doanh, khi phòng yêu cầu làm sổ chủ quyền chính thức thì đương sự phải chấp hành”. Ngoài đơn xin hợp thức hóa nhà và đất và Giấy tạm được cấp vào ngày 30/11/1998, thì ông Đ bà H không còn được cấp giấy tờ nào khác liên quan đến phần đất này.

[8] Phần đất tranh chấp ông Hùng đăng ký kê khai quyền sử dụng và được cấp giấy chứng nhận lần đầu vào ngày 19/4/2007 (tại thửa 62, tờ bản đồ 13, diện tích 103,1m²). Trong đó cạnh ngang giáp lộ là 4,15m, cạnh ngang sau là 4,1m. Đến ngày 26/6/2009, ông H được cấp đổi quyền sử dụng đất thành thửa 20, tờ bản đồ 89, diện tích 116m², trong đó cạnh ngang giáp lộ là 04m, cạnh sau 4,1m. Như vậy, khi cấp đổi lại quyền sử dụng đất cho ông Hùng thì phần đất cạnh ngang giáp lộ của ông H giảm 0,15m. Từ đó dẫn đến phần đất tranh chấp (ngang 0,10m) nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H.

[9] Tại Công văn số 464/UBND ngày 24/4/2018 Ủy ban nhân dân huyện P xác định: Lý do có sự chênh lệch kích thước cạnh ngang giáp lộ như sau: “...*Kích thước cạnh ngang 4,15m là cấp theo số liệu bản đồ 299 cũ (cấp lần đầu), kích thước cạnh ngang giáp lộ 4,0m tại thửa số 20, tờ bản đồ 89, đây là kết quả đo đạc thành lập bản đồ chính quy (dự án 323) do Xí nghiệp Trắc địa bản đồ 305 thực hiện, được UBND thị trấn P xác nhận và Sở Tài nguyên – Môi trường kiểm tra, nghiệm thu. Khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh H thì thực hiện theo số liệu đo đạc này. Do đó, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi cấp đổi cho ông H theo bản đồ chính quy có kích thước cạnh ngang giáp lộ là 4,0m*” (bút lục 313).

[10] Qua xem xét, thẩm định tại chỗ, hiện tại phần đất cạnh ngang giáp lộ ông H đang quản lý, sử dụng là 4,14m (bao gồm cả phần đất tranh chấp 0,10m). Như vậy, việc cấp đổi quyền sử dụng đất cho ông H theo số liệu đo đạc khi thành lập bản đồ chính quy là chưa chính xác, dẫn đến cấp đổi thiếu diện tích đất cho ông H. Mặc dù, phần đất tranh chấp có diện tích 0,65m² thuộc thửa số 21, tờ bản đồ 89 do ông Đ quản lý nhưng ông Đ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực tế, phần đất tranh chấp và bức tường tranh chấp được gia đình ông H quản lý và sử dụng ổn định từ năm 1984 đến nay. Quá trình sử dụng, ông H còn xây dựng bức tường lên cao hơn. Phía ông Đ, bà H không trực tiếp xây

dựng. Từ đó, có căn cứ để xác định phần đất tranh chấp và bức tường thuộc quyền sở hữu của ông H. Ông Đ, bà H yêu cầu ông Hùng giao trả là không có căn cứ để chấp nhận. Cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[11] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị H; không chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

[12] Án phí dân sự phúc thẩm, ông Đ, bà H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Điều và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12 về án phí, lệ phí tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 1, 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Nguyễn Thanh H giao trả phần đất có diện tích 1.30m² (trong đó diện tích 0,65m² thuộc một phần thửa đất số 20, tờ bản đồ số 89 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hùng và diện tích 0,65m² thuộc một phần thửa đất số 21, tờ bản đồ số 89 chưa được cấp giấy), có định vị và kích thước như sau:

Hướng Đông giáp đất ông H có cạnh 13,26m;

Hướng Tây giáp đất ông Đ, bà H có cạnh 13,26m;

Hướng Nam giáp lộ chợ Phước L có cạnh 0,1m;

Hướng Bắc giáp phần đất còn lại (không có tranh chấp) có cạnh 0,1m.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đ, bà H yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp và bức tường thuộc quyền sở hữu của ông Đ, bà H và không chấp

nhận của ông Đ, bà H yêu cầu ông H tháo dỡ phần bức tường có chiều dài 1,97m, ngang 0,1m tính từ vỉa hè, tháo dỡ bức tường từ vị trí 03m trở lên.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đ, bà H yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H đối với diện tích 0,65m², thuộc thửa số 20, tờ bản đồ 89, đất tọa lạc ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

4. Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.000.000đ, ông Đ, bà H đã nộp đủ.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ. Ông Đ, bà H đã dự nộp tạm ứng 700.000đ tại lai thu số 005129, 005130 ngày 11/11/2015 và số 0011782 ngày 03/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, được chuyển thu án phí 200.000đ, ông Đ, bà H được hoàn lại 500.000đ.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng. Ông Đ, bà H đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0014152 ngày 24 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, được chuyển thu án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện P
- CCTHADS huyện P;
- Đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Cao Thị Túy Giang